

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 – 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 – 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Đoàn Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Văn Điệp	Phó Chủ tịch
Ông Lê Vinh Hiển	Thành viên
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Thành viên
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên
Ông Trần Ngọc Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2011 và bãi nhiệm từ ngày 29/12/2011)
Ông Hajime Kaburagi	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2011 và bãi nhiệm ngày 24/07/2011)
Ông Lê Phú Cự	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 25/07/2011)
Ông Nguyễn Quốc Tín	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/12/2011)

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Trần Hoàng Huân	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30/12/2011)
Ông Đoàn Thành Đạt	Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011)
Ông Phan Văn Nghiệp	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2011 và bãi nhiệm ngày 30/09/2011)
Ông Đào Huy Hòa	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2011 và bãi nhiệm từ ngày 30/12/2011)
Ông Lê Văn Hường	Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/05/2011)
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011 và bổ nhiệm lại từ ngày 29/12/2011)
Ông Lê Quang Tiên	Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 31/12/2011)
Ông Trần Hoàng Huân	Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011 và bổ nhiệm lại từ ngày 19/09/2011)
Bà Đào Thị Kiều Trinh	Kế toán trưởng (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011)
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2011)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm	18.943.173.000	39.292.979.826
Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm	23.651.625.316	8.410.224.331

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Vào ngày 28/04/2011, Công ty được Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu trên HOSE theo Quyết định số 51/2011/QĐ-SGDHCM. Công ty đã thực hiện giao dịch đầu tiên ngày 28/07/2011.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ý KIẾN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2012

Số: 76/HDKT2011

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là "Công ty") gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 (gọi chung là "báo cáo tài chính"), đính kèm từ trang 04 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Đến thời điểm phát hành báo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được xác nhận công nợ đối với khoản nợ phải trả Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp tại ngày 31/12/2011 với số tiền là 4.251.265.027đồng. Đồng thời chúng tôi không thể thực hiện thủ tục thay thế khác để thu thập bằng chứng về tính hợp lý đối với số dư và nghĩa vụ có liên quan đến khoản nợ phải trả trên.

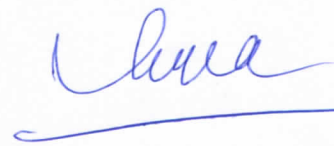
Theo ý kiến của chúng tôi, **ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên**, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Nguyễn Nhân Bào

Nguyễn Nhân Bào
Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0413/KTV

Thay mặt và đại diện cho**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT**

Phan Thị Thủy Tiên
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0360/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		212.740.836.827	195.482.310.582
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.501.116.564	31.528.658.579
1. Tiền	111		6.654.449.897	11.315.343.598
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.846.666.667	20.213.314.981
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	72.769.877.788	106.409.560.343
1. Phải thu khách hàng	131		58.295.310.883	75.597.849.564
2. Trả trước cho người bán	132		6.116.212.577	18.422.130.203
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		9.978.304.563	13.691.954.634
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.619.950.235)	(1.302.374.058)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	126.252.344.333	54.453.802.691
1. Hàng tồn kho	141		126.252.344.333	54.453.802.691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.217.498.142	3.090.288.969
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.964.772	234.899.337
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.287.298.200	1.333.930.289
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	910.235.170	1.521.459.343

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		124.928.842.461	125.502.863.993
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	5.5	43.068.900.390	45.555.355.586
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		43.068.900.390	45.555.355.586
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.679.899.464	2.068.846.494
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	4.679.899.464	2.068.846.494
- Nguyên giá	222		7.882.674.060	4.613.602.870
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.202.774.596)	(2.544.756.376)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	5.7	802.108.000	802.108.000
- Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		70.670.245.695	70.670.245.695
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.8	70.410.245.695	70.410.245.695
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	260.000.000	260.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.707.688.912	6.406.308.218
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	266.548.317	118.387.184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	5.441.140.595	6.287.921.034
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		337.669.679.288	320.985.174.575

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		186.241.311.151	184.798.207.423
I. Nợ ngắn hạn	310		137.742.335.728	135.708.066.663
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	735.160.000	7.123.519.758
2. Phải trả người bán	312	5.13	37.290.825.763	41.048.408.048
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	29.905.270.712	15.836.396.408
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	2.520.546.656	6.210.907.822
5. Phải trả người lao động	315	5.13	1.849.031.584	3.433.633.842
6. Chi phí phải trả	316	5.13	29.912.264.529	26.776.731.333
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	29.243.913.880	22.859.938.563
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.13	399.974.586	135.727.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.13	5.885.348.018	12.282.803.889
II. Nợ dài hạn	330		48.498.975.423	49.090.140.760
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	48.498.975.423	48.704.527.090
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	385.613.670
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		151.428.368.137	136.186.967.152
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	151.428.368.137	136.186.967.152
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.751.323.436	31.751.323.436
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.325.419.385	5.325.419.385
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.651.625.316	8.410.224.331
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		337.669.679.288	320.985.174.575

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-



Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Sơn
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	185.343.263.704	221.927.824.703
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	812.288.493	3.166.371.493
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	6.3	184.530.975.211	218.761.453.210
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	6.4	171.314.513.578	172.272.860.266
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.216.461.633	46.488.592.944
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.6	20.807.061.097	20.992.865.390
7. Chi phí tài chính	22	6.7	2.850.067.148	2.107.148.896
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.850.067.148	2.107.148.896
8. Chi phí bán hàng	24	6.8	1.811.739.490	4.503.377.581
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.9	9.676.196.265	9.600.856.813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		19.685.519.827	51.270.075.044
11. Thu nhập khác	31	6.10	1.361.901.207	7.317.198.488
12. Chi phí khác	32	6.11	101.834.756	7.759.355.182
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.260.066.451	(442.156.694)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.945.586.278	50.827.918.350
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.12	1.155.632.839	11.296.119.046
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.11	846.780.439	238.819.478
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		18.943.173.000	39.292.979.826
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.13	2.368	5.418



Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Sơn
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.945.586.278	50.827.918.350
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		658.018.220	331.680.442
Các khoản dự phòng	03		317.576.177	(3.755.708.179)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(5.472.382)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.192.620.959)	(13.593.541.638)
Chi phí lãi vay	06		2.850.067.148	2.107.148.896
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.578.626.864	35.912.025.489
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		54.246.863.756	(19.290.534.909)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(73.800.954.920)	(11.206.676.868)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		24.285.985.163	(18.474.886.809)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		66.773.432	146.679.983
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.850.067.148)	(2.107.148.896)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.971.848.786)	(7.692.234.967)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		205.386.032	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(248.617.400)	(4.972.210.828)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.512.146.993	(27.684.987.805)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.269.071.190)	(624.241.981)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.343.440.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		206.789.007	60.594.985
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.062.282.183)	5.279.793.004

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	20.400.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		39.990.509.392	30.727.054.881
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(44.650.220.817)	(29.013.546.618)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.934.200.000)	(9.335.978.500)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.883.495.400)	(6.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.477.406.825)	6.477.529.763
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(21.027.542.015)	(15.927.665.038)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.528.658.579	47.456.323.617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		10.501.116.564	31.528.658.579



Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Sơn
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, tên viết tắt là TICCO (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và chứng nhận thay đổi lần thứ chín ngày 30/12/2011.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng tương đương 8.000.000 cổ phần

Trụ sở đặt tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng Ticco có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản Ticco có trụ sở đặt tại 166 Ấp Bắc, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 80 người (31/12/ 2010: 87 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh thương mại và dịch vụ

Hoạt động chính của Công ty là: Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương; Thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công xây dựng các công trình công nghiệp; Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới xà lan; Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi; Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh cát san lấp; Khai thác vận tải; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông; Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Tư vấn đấu thầu, giám sát; Môi giới bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đấu giá bất động sản; Quản lý bất động sản; Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite; Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; Thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

1.3 Cấu trúc tập đoàn**1.3.1 Các công ty con trực tiếp**

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1	Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco	Lô số 1; 2; 3; 4; 5; 6, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00 %	100,00 %
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00 %	100,00 %
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	62,05 %	62,05 %

1.3.2 Công ty liên kết

STT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô 1,2,3 KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	20%	20%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1 Phân loại lại số dư đầu năm**

Số dư đầu năm của chỉ tiêu “Phải thu khách hàng” mã số 131 và chỉ tiêu “Các khoản phải thu khác” mã số 135 được phân loại lại một phần sang chỉ tiêu “Phải thu khác dài hạn” mã số 218 trên bảng Cân đối kế toán.

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.3 Chế độ kế toán áp dụng, kỳ kế toán và hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06/11/2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2010.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phát sinh do Công ty phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả lẫn thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Công ty vì Công ty chưa phát hành công cụ này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những

ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

2011

Số năm

Máy móc và thiết bị	05 – 12
Thiết bị văn phòng	03 – 06
Phương tiện vận tải	06 – 10

4.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung – Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

4.7 Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan.

Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con;
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết;
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.8 Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

4.9 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

4.10 Chi phí trích trước

Chi phí trích trước ghi nhận số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên 6%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc trong Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31/12/2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng nửa mức lương bình quân của giai đoạn 6 tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ 01/01/2009, mức lương bình quân để tính trợ cấp thôi việc sẽ tính lại tại thời điểm kết thúc mỗi kỳ báo cáo bằng lương bình quân giai đoạn 06 tháng tính đến ngày báo cáo. Chênh lệch các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả được hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Từ ngày 01/01/2009, Công ty đã đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ban hành ngày 12/12/2008.

4.13 Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

4.14 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

4.16 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nổi dài

Giá vốn 1 m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nổi dài được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính bình quân của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nổi dài chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nổi dài, trong đó:

- Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 31/12/2011 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 31/12/2011 là 89.637.734.591 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²;

$$\text{Giá vốn 1 m}^2 \text{ đất chuyển nhượng} = \frac{107.754.098.914 \text{ đồng}}{124.492 \text{ m}^2} = 866.000 \text{ đồng/ m}^2$$

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong năm 2011 là 3.205,50 m².

- Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư đường Trương Định nổi dài được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 31/12/2011 là 131.678.690.799 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 31/12/2011 là 83.626.109.696 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 71.474 m²;

$$\text{Giá vốn 1 m}^2 \text{ đất chuyển nhượng} = \frac{131.678.690.799 \text{ đồng}}{71.474 \text{ m}^2} = 1.842.330 \text{ đồng/ m}^2$$

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong năm 2011 là 3.506,90 m².

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.18 Chi phí thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả

các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	68.771.565	2.897.309.103
Tiền gửi ngân hàng	6.585.678.332	8.418.034.495
Các khoản tương đương tiền (*)	3.846.666.667	20.213.314.981
Cộng	10.501.116.564	31.528.658.579

(*) Là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng .

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	58.295.310.883 (a)	75.597.849.564
Trả trước cho người bán	6.116.212.577 (b)	18.422.130.203
Các khoản phải thu khác	9.978.304.563 (c)	13.691.954.634
Cộng	74.389.828.023	107.711.934.401
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.619.950.235) (d)	(1.302.374.058)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	72.769.877.788	106.409.560.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(a) Là khoản phải thu về thi công công trình, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán vật liệu xây dựng và dịch vụ gia công cơ khí. Chủ yếu là khoản phải thu của các khách hàng sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 9	14.277.385.834	2.972.530.611
Công ty TNHH MTV Xây Dựng TICCO	5.326.404.503	6.658.404.503
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	5.161.436.900	9.031.136.900
Khách hàng mua đất Khu dân cư Trương Định	4.891.947.563	-
Sở Nông Nghiệp và PTNT tỉnh An Giang	4.301.769.000	-
Khách hàng mua đất KDC Long Thạnh Hưng	3.237.609.515	10.272.917.715
Ban Quản Lý Dự Án Cải tạo kênh Ba Bò	2.842.837.490	5.260.817.388
Khách hàng mua đất Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	2.475.577.000	3.049.591.000
Ban Quản Lý Các DA ĐT và Xây dựng chuyên ngành Nông Nghiệp Kiên Giang	1.867.632.000	2.396.468.000
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng TP Long Xuyên	1.729.104.000	7.240.726.000
Ban Quản Lý Các DA ĐT & XD ngành Nông Nghiệp PTNT Tiền Giang	1.494.747.000	14.808.799.512
Sở Nông Nghiệp và PTNT Trà Vinh	1.371.068.000	4.599.911.000

(b) Chủ yếu là các khoản trả trước cho các người bán sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Tico	3.717.647.943	13.003.919.732
Công ty CP ĐT & XD Tico An Giang	253.473.000	253.473.000
Công ty SAGEL	115.496.500	115.496.500
Ông Trần Minh Hiếu	137.661.840	166.421.840
Ban bồi thường hỗ trợ & Tái định cư thị xã Gò Công	830.000.000	330.000.000
Xí nghiệp tư vấn thiết kế Công ty CP Địa Ốc Tân Bình	165.588.000	-
Công ty TNHH MTV SX Suối Tiên	107.500.000	-

(c) Chủ yếu là các khoản phải thu khác sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu lợi nhuận từ các công ty con, trong đó:	2.116.935.882	3.633.706.251
<i>Lợi nhuận năm 2011 của Công ty TNHH MTV Xây Dựng Tico</i>	2.116.935.882	-
<i>Lợi nhuận năm 2010 của Công ty TNHH MTV Xây Dựng Tico</i>	-	3.633.706.251
Phải thu ông Huỳnh Phú Gia – Tiền góp vốn hộ vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tico An Giang	2.109.099.007	2.109.099.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang (Nợ gốc và lãi vay chi hộ)	4.420.682.230	6.421.623.683
---	---------------	---------------

(d) Chủ yếu là khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của các khách hàng sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP ĐT & XD 40	368.611.375	368.611.375
Công ty CP XDGT Thủy lợi Kiên Giang	925.883.360	925.883.360
Công ty SAGEL (phí thiết kế công trình Mỹ Thanh Hưng)	115.496.500	-
Công ty Kiến Trúc P.A	50.000.000	-
Công ty CP Tư Vấn – Thiết Kế - Xây Dựng Simon	39.200.000	-
Công ty CP Đ.Ô.T.Bình (phí thiết kế công trình thị trấn Sông Đốc)	82.794.000	-
DNTN Tấn Hưng 1	20.174.500	-
Công ty TNHH Thiết Kế & Quảng Cáo Đất Phương Nam	8.090.500	-

5.3 Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	148.458.681	331.122.745
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	125.436.182.324 (*)	53.423.124.901
Hàng hoá	667.703.328	699.555.045
Cộng	126.252.344.333	54.453.802.691
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(-)	(-)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	126.252.344.333	54.453.802.691

(*) Là chi phí thực tế phát sinh của các công trình đang còn dở dang chưa quyết toán, chủ yếu là các công trình sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khu dân cư đường Trương Định nối dài	79.522.963.051	16.441.349.084
Khu dân cư Long Thạnh Hưng	33.461.474.867	26.174.554.111
Công trình hồ chứa nước Củ Chi	3.834.738.218	3.834.738.218
Công trình Khu nhà vườn huyện Tân Phước	2.621.593.000	2.515.153.000
Công trình Khu biệt thự mẫu Long Thạnh Hưng	1.454.246.476	1.073.684.000
Cửa cống Tân An đợt 3	784.331.371	-
Cửa cống Bến Trẽ	582.808.454	-
KDC Tân Thạnh Hưng	560.180.800	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	41.000.000	-
Tạm ứng	869.235.170	1.275.073.311
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	246.386.032
Cộng	910.235.170	1.521.459.343

5.5 Các khoản phải thu dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khác dài hạn	43.068.900.390 (*)	45.555.355.586
Cộng	43.068.900.390	45.555.355.586

(*) Phải thu khác dài hạn là khoản phải thu Công ty TNHH MTV Bê Tông Ticco, bao gồm các khoản phải thu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam mà Công ty thuê hộ, thời hạn thu đến 27/07/2012 theo kế hoạch trả nợ	3.065.800.000	5.000.000.000
Khoản vay để xây nhà máy Bê tông	3.393.492.470	3.393.492.470
Phải thu tiền thanh lý tài sản	5.244.648.923	5.659.275.632
Lợi nhuận năm 2008, 2009 và lợi nhuận năm 2010	16.265.530.236	31.502.587.484
Lợi nhuận năm 2011	15.099.428.761	-
Tổng cộng	43.068.900.390	45.555.355.586

5.6 Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ hữu hình	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.061.812.189	1.066.171.630	2.346.300.682	139.318.369	4.613.602.870
Tăng trong năm	-	-	791.051.999	317.334.546	1.108.386.545
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.160.684.645	-	-	-	2.160.684.645
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.222.496.834	1.066.171.630	3.137.352.681	456.652.915	7.882.674.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	918.467.721	302.249.443	1.207.136.248	116.902.964	2.544.756.376
Khấu hao trong năm	162.246.425	135.844.568	295.791.393	64.135.834	658.018.220
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.080.714.146	438.094.011	1.502.927.641	181.038.798	3.202.774.596

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	143.344.468	763.922.187	1.139.164.434	22.415.405	2.068.846.494
Số dư cuối kỳ	2.141.782.688	628.077.619	1.634.425.040	275.614.117	4.679.899.464

Như trình bày tại **Thuyết minh số 5.12 và 5.15**, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu hợp pháp của mình với nguyên giá tại ngày 31/12/2011 là 4.621.645.189 đồng (Ngày 31/12/2010: 10.256.163.666 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.467.843.716 đồng (năm 2010: 1.076.517.739 đồng).

5.7 Bất động sản đầu tư (quyền sử dụng đất)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

5.8 Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	38.000.000.000	100	100	Thi công công trình, kinh doanh bất động sản và sản xuất kinh doanh bê tông
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20.000.000.000	100	100	Thi công công trình và sản xuất kinh doanh bê tông
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang	Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	12.410.245.695	62,05	62,05	Thi công công trình, kinh doanh bất động sản và sản xuất kinh doanh bê tông
Tổng		70.410.245.695			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.9 Đầu tư vào các công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Testco	KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	260.000.000	20	20	Kiểm định, thử nghiệm chất lượng CT,...
Cộng		260.000.000			

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dung	266.548.317	118.387.184
Cộng	266.548.317	118.387.184

5.11 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được Công ty ghi nhận phát sinh từ khoản trích trước chi phí thực hiện các dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, Khu dân cư đường Trương Định nối dài và các chi phí khác. Chi tiết như sau:

	Tài sản thuế hoãn lại từ các khoản chi phí trích trước
	VND
Năm trước	
Số dư đầu năm	6.526.740.512
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(238.819.478)
Số dư cuối năm	6.287.921.034
Năm nay	
Số dư đầu năm	6.287.921.034
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(846.780.439)
Số dư cuối năm	5.441.140.595

Khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính:

	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	702.364.770	2.121.631.312
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.549.145.209)	(2.360.450.790)
Cộng	(846.780.439)	(238.819.478)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.12 Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay ngắn hạn	735.160.000	7.123.519.758
Cộng	735.160.000	7.123.519.758

Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tiền Giang theo Hợp đồng vay ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐ ngày 04/11/2010. Hạn mức tín dụng 15.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động thi công công trình, gia công sửa chữa thiết bị. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản như sau:

Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/HĐ ngày 04/11/2010, tài sản thế chấp theo giá trị định giá của Ngân hàng là 2.496.610.454 đồng.

Thế chấp Quyền sử dụng đất thuê tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2010/HĐ ngày 04/11/2010.

5.13 Nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán	37.290.825.763 (a)	41.048.408.048
Người mua trả tiền trước	29.905.270.712 (b)	15.836.396.408
Phải trả người lao động	1.849.031.584	6.210.907.822
Chi phí phải trả	29.912.264.529 (c)	26.776.731.333
Phải trả, phải nộp khác	29.243.913.880 (d)	22.859.938.563
Dự phòng phải trả ngắn hạn	399.974.586 (e)	135.727.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.885.348.018 (f)	12.282.803.889
Cộng	134.486.629.072	125.150.913.063

(a) Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Chủ yếu là phải trả cho các nhà cung cấp sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Ticco	20.609.960.353	24.577.032.690
Công ty CP ĐT & XD Ticco An Giang	10.035.007.590	9.011.428.399
Công ty CP ĐT & XD Thủy Lợi Lâm Đồng	1.355.970.000	-
Công ty Cơ Khí Công Trình Thủy 276	1.015.069.026	462.585.026
Công ty CP Công Nghệ CN Intec	850.853.333	850.853.333
Công ty TNHH Hòa Điền	492.181.363	-
Công ty CP Bảo Hiểm Petrolimex	377.600.500	377.600.500
Công ty TNHH XD TM Vinh Quang	316.063.587	-
Công ty TNHH Xây Dựng Hữu Quế	192.228.533	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (b) Người mua trả tiền trước là các khoản khách hàng ứng tiền trước để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thi công các công trình xây dựng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khu dân cư Trương Định nối dài theo HĐ góp vốn	21.525.695.950	-
Ban quản lý các công trình xây dựng	8.379.574.762	15.836.396.408
Cộng	29.905.270.712	15.836.396.408

- (c) Chi phí phải trả là khoản trích trước chi phí thực hiện công trình bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khu dân cư Long Thạnh Hưng	25.832.512.588	25.380.773.938
Chi phí quảng cáo khuyến mãi bán hàng khu dân cư Long Thạnh Hưng	1.212.940.600	1.242.940.600
Trích trước kinh phí nghiệm thu công trình Bình Lợi	509.090.909	-
Chi phí ước tính khu dân cư Trương Định giai đoạn 2	2.357.720.432	-
Trích trước chi phí sửa chữa gia công cơ khí	-	153.016.795
Cộng	29.912.264.529	26.776.731.333

- (d) Phải trả khác, chủ yếu là các khoản phải trả sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp	4.251.265.027	4.287.772.554
Giá trị QSDĐ của các cá nhân để hoán đổi với Khu dân cư đường Trương Định nối dài	21.149.037.970	-
Phải trả về Cổ phần hóa	3.641.567.047	10.781.795.988
Kinh phí công đoàn	135.355.104	173.600.421
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	66.688.732	704.408.129
Cổ tức năm 2010 chưa chi	-	6.750.000.000
Cộng	29.243.913.880	22.697.577.092

- (e) Dự phòng phải trả ngắn hạn là khoản trích trước dự phòng chi phí bảo hành công trình.

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	135.727.000	135.727.000
Trích lập trong năm	264.247.586	-
Sử dụng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	399.974.586	135.727.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(f) Quỹ khen thưởng, phúc lợi bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.282.803.889	6.151.794.407
Trích lập trong kỳ	146.000.000	7.787.562.974
Giảm trong kỳ	(6.543.455.871)	(1.656.552.492)
Số dư cuối kỳ	5.885.348.018	12.282.803.889

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.297.930.067	6.114.146.014
Thuế thu nhập cá nhân	221.616.589	95.761.808
Thuế môn bài	1.000.000	1.000.000
Cộng	2.520.546.656	6.210.907.822

5.15 Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay dài hạn	45.433.175.423 (a)	43.704.527.090
Nợ thuê tài chính dài hạn	3.065.800.000 (b)	5.000.000.000
Cộng	48.498.975.423	48.704.527.090

(a) Vay dài hạn bao gồm các khoản vay tại các Ngân hàng theo các hợp đồng sau:

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Tài sản thế chấp	Dư nợ đến 31/12/2011
Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL chi nhánh Tiền Giang	TD.1079/HĐTD	09/03/2011	21 tháng	Thực hiện dự án KDC Long Thạnh Hưng và Công trình đường Trương Định nối dài	Tài sản hình thành từ vốn vay	25.500.000.000
Quỹ ĐT & PT Tiền Giang	05/2010/HĐTD	09/02/2010	03 năm	Nhận chuyển nhượng đất UBND xã Gò Công	QSĐĐ tại khu phố 12B, TP. Mỹ Tho	13.708.333.333
Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	04/2008/HĐ	26/12/2008	05 năm	Mua 02 tàu hút bùn	TS hình thành từ vốn vay	6.224.842.090
Tổng cộng						45.433.175.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(b) Nợ dài hạn là khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính không hủy ngang số 050/2007/HĐTTC ngày 08/03/2007 và Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 050/2007/PI-HĐCTTC ngày 27/07/2008. Tài sản cố định thuê tài chính của khoản thuê này đã bàn giao cho Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco sử dụng. Chi tiết như sau:

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc thuê	Tổng thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc thuê
Thời hạn 1 năm trở xuống	2.079.272.234	457.728.155	1.621.544.079	2.718.668.140	784.468.140	1.934.200.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.555.905.907	111.649.986	1.444.255.921	3.635.178.141	569.378.141	3.065.800.000
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	3.635.178.141	569.378.141	3.065.800.000	6.353.846.281	1.353.846.281	5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5.16 Vốn chủ sở hữu****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	300.000.000	16.034.131.506	3.360.770.394	5.069.498.498	94.764.400.398
Tăng vốn trong năm	10.000.000.000	10.400.000.000	-	-	-	20.400.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	39.292.979.826	39.292.979.826
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập cổ tức năm trước trích thừa					1.459.393.500	1.459.393.500
Trích lập các quỹ Công ty	-	-	15.717.191.930	1.964.648.991	(24.361.647.492)	(6.679.806.571)
Tạm chia cổ tức	-	-	-	-	(13.050.000.000)	(13.050.000.000)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	10.700.000.000	31.751.323.436	5.325.419.385	8.410.224.331	136.186.967.152
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	18.943.173.000	18.943.173.000
Tăng lợi nhuận năm 2010 do thay đổi tỷ lệ phân phối các quỹ công ty	-	-	-	-	3.148.227.985	3.148.227.985
Trích lập bổ sung cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(2.050.000.000)	(2.050.000.000)
Tạm chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	10.700.000.000	31.751.323.436	5.325.419.385	23.651.625.316	151.428.368.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 80.000.000.000 đồng (năm 2010: 80.000.000.000 đồng). Tại ngày 31/12/2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

Cổ phiếu (Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần)

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000

5.17 Cổ tức

Trong năm, theo Nghị quyết số 46/NQ.HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/07/2011, Công ty đã tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2011 với số tiền là 4.800.000.000 đồng. Toàn bộ khoản cổ tức tạm chia này đã được thanh toán hết cho các cổ đông.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	141.543.043.834	131.166.391.217
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	9.707.564.034	9.286.048.441
Doanh thu kinh doanh bất động sản	16.830.834.915	71.782.915.250
Doanh thu quảng cáo	5.545.454	12.318.180
Doanh thu gia công, sửa chữa	17.256.275.467	9.680.151.615
Cộng	<u>185.343.263.704</u>	<u>221.927.824.703</u>

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	812.288.493	3.166.371.493
Cộng	<u>812.288.493</u>	<u>3.166.371.493</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6.3 Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	140.983.287.541	128.008.269.724
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	9.707.564.034	9.286.048.441
Doanh thu kinh doanh bất động sản	16.578.302.715	71.774.665.250
Doanh thu quảng cáo	5.545.454	12.318.180
Doanh thu gia công, sửa chữa	17.256.275.467	9.680.151.615
Cộng	184.530.975.211	218.761.453.210

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	138.832.877.731	123.870.234.077
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	8.731.659.662	8.218.846.391
Giá vốn kinh doanh bất động sản	9.399.283.156	33.055.323.920
Giá vốn quảng cáo	-	-
Giá vốn gia công, sửa chữa	14.350.693.029	7.128.455.878
Cộng	171.314.513.578	172.272.860.266

6.5 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	11.721.279.735	5.935.837.650
Chi phí nhân công trực tiếp	1.601.665.904	1.133.154.469
Chi phí sử dụng máy thi công	468.356.407	2.462.453.529
Chi phí sản xuất chung	559.390.983	28.461.864
Cộng	14.350.693.029	9.559.907.512

6.6 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	1.613.923.471	5.260.534.425
Cổ tức, lợi tức được chia từ các công ty con	17.858.864.643	14.751.385.740
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	206.789.007	60.594.985
Lãi cho vay	1.127.483.976	740.653.099
Lãi nhượng bán cổ phần	-	178.945.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	751.641
Cộng	20.807.061.097	20.992.865.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6.7 Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.850.067.148	2.107.148.896
Cộng	2.850.067.148	2.107.148.896

6.8 Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	699.697.051	1.309.906.213
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	49.263.057	104.188.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.579.903	33.326.782
Chi phí bằng tiền khác	1.037.199.479	3.055.956.171
Cộng	1.811.739.490	4.503.377.581

6.9 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.485.486.962	6.455.916.953
Chi phí vật liệu quản lý	568.767.641	838.629.566
Chi phí đồ dùng văn phòng	191.979.110	93.503.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	545.706.052	273.456.917
Thuế, phí và lệ phí	302.479.419	342.754.940
Chi phí dự phòng	317.576.177	(3.732.524.179)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	951.335.879	559.802.952
Chi phí bằng tiền khác	2.312.865.025	4.769.315.757
Cộng	9.676.196.265	9.600.856.813

6.10 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	1.406.504.589
Thu nhập từ bán vật tư, dụng cụ	-	4.809.475.829
Tiền bảo hành	500.495.590	56.400.718
Thu bồi thường, phạt vi phạm	-	958.487.763
Thu nhập khác	36.451.558	68.329.589
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	18.000.000	18.000.000
Thu nhập từ xử lý công nợ phải trả	806.954.059	-
Cộng	1.361.901.207	7.317.198.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6.11 Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ góp vốn	-	1.409.833.162
Phạt vi phạm	-	395.899.373
Xuất bán công cụ dụng cụ	-	4.769.585.576
Chi phí bồi thường sạt lở kè Hiệp Thạnh	63.713.611	953.197.063
Xử lý công trình dở dang treo từ những năm trước	-	170.442.675
Chi phí khác	38.121.145	60.397.333
Cộng	101.834.756	7.759.355.182

6.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Hoạt động SXKD và hoạt động khác	Hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	
Lợi nhuận trước thuế TNDN theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	16.354.397.172	4.591.189.106	20.945.586.278
Các khoản làm tăng thu nhập tính thuế	17.005.795	31.342.250	48.348.045
Chi phí không hợp lý hợp lệ	17.005.795	31.342.250	48.348.045
Các khoản làm giảm thu nhập tính thuế	18.065.653.650		18.065.653.650
Cổ tức được chia từ các công ty con	17.858.864.643		17.858.864.643
Cổ tức được chia từ công ty liên kết	206.789.007		206.789.007
Thu nhập chịu thuế TNDN	(1.694.250.683)	4.622.531.356	2.928.280.673
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.155.632.839	1.155.632.839
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh		846.780.439	846.780.439
Cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp		2.002.413.278	2.002.413.278

6.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	18.943.173.000	39.292.979.826
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.000.000	7.252.303
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.368	5.418

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin các bên liên quan**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	Công ty con

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	- Khối lượng công trình nghiệm thu	98.604.055.583	108.041.973.149
	- Lợi nhuận được phân phối tạm tính trong năm	2.116.935.882	3.633.706.251
	- Bán CC DC (Cừ Lazen)	-	4.478.270.164
	- XNVLXD bán vật tư	3.818.279.629	4.636.432.270
	- Góp vốn bằng TSCĐ	-	-
	- Thanh lý TSCĐ	-	1.392.489.437
	- XNCKSC gia công, sửa chữa	1.479.971.635	1.176.805.071
	- Bán vật tư (Dầm)		890.181.820
	- Phí mua hồ sơ thầu	422.024.437	470.342.589
	- Bán phụ tùng	-	182.335.402
	-Các giao dịch khác	-	280.567.374
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	-Lợi nhuận được phân phối tạm tính trong năm	15.099.428.761	11.117.679.489
	- Bán vật liệu xây dựng	3.312.955.754	3.472.630.435
	- Lãi thuê tài chính trả hộ	784.513.140	1.827.946.388
	- Nợ vay và nợ thuê tài chính trả hộ	1.934.200.000	-
	- XNCK gia công, sửa chữa	-	1.122.713.751
	- Bán phụ tùng	3.805.211.172	110.035.580
	- XNCK gia công, sửa chữa	660.720.754	1.122.713.751
	- Các khoản khác	34.263.123	79.158.722

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	- Khối lượng công trình nghiệm thu	31.649.900.419	13.222.336.664
	- Bán vật liệu xây dựng	-	947.081.819
	- Lãi chậm trả phải thu	-	635.701.884
	- Cổ tức được chia	642.500.000	-
	- Các khoản khác	-	178.097.084

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số dư ngày 31/12/2011	Số dư ngày 31/12/2010
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	- Phải thu khách hàng	5.326.404.503	6.658.404.503
	- Trả trước khối lượng công trình	3.717.647.943	13.003.919.732
	- Phải trả khối lượng công trình nghiệm thu	20.609.960.353	24.577.032.690
	- Phải thu khác	2.116.935.882	3.633.706.251
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	- Phải thu khách hàng	11.703.941.393	14.052.768.102
	- Phải thu gia công, sửa chữa		38.294.000
	- Phải thu tiền vật tư		1.870.102.400
	- Phải trả tiền mua bê tông, cọc vuông		11.191.840
	- Phải thu khác	31.364.958.997	31.502.587.484
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	- Phải thu khác	4.420.682.230	6.421.623.863
	- Ứng trước khối lượng thi công	253.473.000	253.473.000
	- Phải trả khối lượng công trình nghiệm thu	10.035.007.590	9.011.428.399
	- Phải thu lợi nhuận nộp về		762.462.809

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương	1.231.230.745	1.199.757.162
Tiền thưởng	375.411.000	518.350.000
Các khoản phúc lợi và thù lao khác	171.000.000	905.810.026
Tổng cộng	1.777.641.745	2.623.917.188

7.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Vào ngày 20/02/2012, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản số 01/NQ-ĐHĐCĐ căn cứ vào Biên bản kiểm tra phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc mức chia cổ tức năm 2011 là: 20%/mệnh giá (2.000 đồng/cổ phần)

- Số cổ tức phải chi theo nghị quyết	16.000.000.000
- Số đã tạm chi trong năm	4.800.000.000
- Số còn phải chi (dự kiến vào ngày 6/4/2012)	11.200.000.000



Trần Hoàng Huân
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Nguyễn Hoàng Sơn
Kế toán trưởng